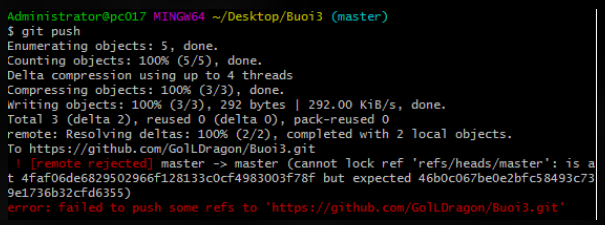
Nguyễn Đức Minh – 1611061601

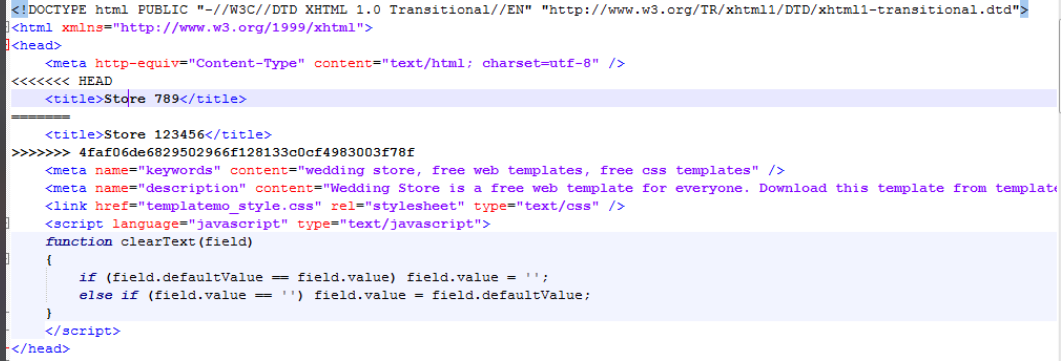
Lê Minh Luân – 1611061591

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu lệnh | Ý nghĩa | Bằng chứng |
| git config --global user.name "[name]" | Thiết lập tên người dùng |  |
| git config --global user.email "[email address]" | Thiết lập địa chỉ email |  |
| git config --global color.ui auto | Cho phép tô sáng dòng lệnh |  |
| git status | Hiển thị ra danh sách các file thay đổi để commit lên |  |
| git diff | Hiển thị sự khác biệt của các file chưa được commit trong thư mục hiện tại |  |
| git add [file] | Thêm file vào dự án, những file thay đổi |  |
| git diff --staged | Hiển thị sự khác biệt giữa các file trong staging và phiên bản mới nhất. |  |
| git reset [file] | Bỏ tập tin, nhưng giữ nguyên nội dung của nó |  |
| git commit -m "[descriptive message]" | Ghi lại việc mình làm trong lịch sử phiên bản |  |
| git init [project-name] | Khởi tạo dự án |  |
| git clone [url] | Copy 1 git repository từ remote source. |  |
| git branch | Liệt kê tất cả các branch trong kho lưu trữ hiện tại (repo) |  |
| git branch [branch-name] | Tạo mới branch với tên của nó |  |
| git checkout [branch-name] | Chuyển sang branch được chỉ định và cập nhật thư mục làm việc |  |
| git merge [branch] | Kết hợp branch được chỉ định vào branch hiện tại |  |
| git branch -d [branch-name] | Xóa các branch được chỉ định |  |
| git rm [file] | Xóa các tập tin từ thư mục lại máy |  |
| git rm --cached [file] | Xoá toàn bộ trong stage trước đó, cái gì bạn đang sửa sẽ mất đi… |  |
| git mv [file-original] [file-renamed] | Thay đổi tên tệp và chuẩn bị cho commit |  |
| git log | Hiển thị ra 1 list các commit của bạn theo thứ tự thời gian gần nhất (các commit mới nhất thì ở trên cùng). |  |
| git log --follow [file] | Liệt kê lịch sử phiên bản cho một tệp |  |
| git diff [first-branch]...[second-branch] | Hiển thị sự khác biệt nội dung giữa hai branch |  |
| git show [commit] | Xem thông tin về commit cụ thể |  |
| \*.logbuild/temp-\* | Một tệp văn bản có tên .gitignore ngăn chặn phiên bản ngẫu nhiên của  tập tin và đường dẫn phù hợp với các paterns được chỉ định |  |
| git ls-files --other --ignored --exclude-standard | Liệt kê tất cả các tệp bị bỏ qua trong dự án |  |
| git reset [commit] | Hủy tất cả các commit bảo toàn các thay đổi cục bộ |  |
| git reset --hard [commit] | Hủy tất cả lịch sử và thay đổi trở lại commit đã chỉ định |  |
| git stash | Git stash được sử dụng khi muốn lưu lại các thay đổi chưa commit, thường rất hữu dụng khi bạn muốn đổi sang 1 branch khác mà lại đang làm dở ở branch hiện tại. |  |
| git stash pop | Khôi phục các tệp được lưu gần đây nhất |  |
| git stash list | Liệt kê tất cả các thay đổi được lưu trữ |  |
| git stash drop | Loại bỏ các thay đổi được sắp xếp gần đây nhất |  |
| git fetch [bookmark] | Git sẽ tải về dữ liệu của tất cả các branch của repository (kho lưu trữ) trên remote server nằm tại địa chỉ quy định bởi $remote\_origin và cập nhật dữ liệu này với dữ liệu của branch phía dưới máy local. |  |
| git merge [bookmark]/[branch] | Gộp hai branch lại với nhau, thao tác này thường dùng để **merge branch** khác vào **branch** master trước khi push lên remote repository, hoặc **merge** hai branch thành một để giải quyết chung một task. |  |
| git push [alias] [branch] | Lệnh này sẽ lấy toàn bộ dữ liệu từ remote repository lưu vào vùng nhớ tạm để so sánh mà không gộp code luôn vào thư mục trên local và cho phép ta gộp thủ công. |  |
| git pull | Tải về lịch sử đánh dấu và kết hợp các thay đổi |  |

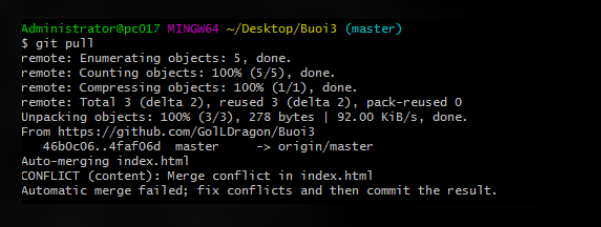
Xung đột và giải quyết

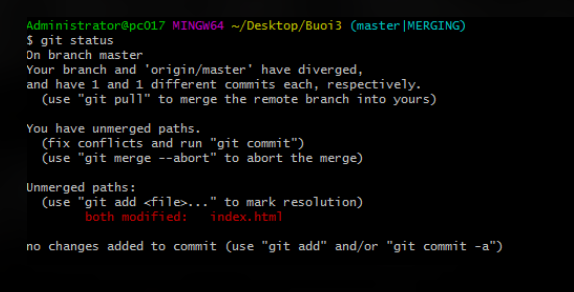


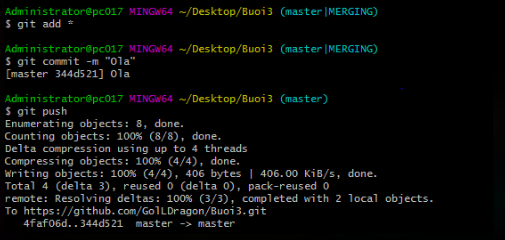
Lỗi xung đột tại phần HEAD



Hướng giải quyết pull về rồi up lại







Tạo SSH key

